

Tên tài khoản / Account Name : CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM Ngày thực hiện / Date : 11/02/2026  
Số tài khoản / Account Number : 0001027349624 Kênh in chứng từ : VCB - iB@nking  
Loại tài khoản / Type of Account : Tài khoản 1 chủ sở hữu/ Sole owner account Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có) / : Number of Joint Account Holders (if any)  
Địa chỉ / Address : 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUODUC,TPHCM  
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh : 0309391503  
Tax Identification No./ Business Registration No.  
CIF : 0004202353  
Loại tiền / Currency : VND  
Từ / From : 01/09/2025 Đến / To : 30/09/2025  
Số dư đầu kỳ / Opening Balance : **457.154.057 VND**  
Bằng chữ / In words : **Bốn trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn không trăm năm mươi bảy đồng**

| STT No | Ngày giao dịch/ TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail   |
|--------|---|-------------------------|--------------------------|------------------|--|
| 1      | 03/09/2025<br>5414 - 63766                |                         | 5.281.000                | 462.435.057      | 5246IBT1iW1VPIW.NGUYEN THI HANH chuyen tien.20250903.131318.107551808.NGUYEN THI HANH.970432                               |
| 2      | 03/09/2025<br>5423 - 70002                |                         | 73.249.821               | 535.684.878      | 5246IBT1bWK8SD6I.KINGFOOD TT TIEN HANG Payment for V000516.20250903.135258.04001010091039.Chi ho Bizzi Kingfood.970426     |
| 3      | 04/09/2025<br>5056 - 97052                |                         | 100.000.000              | 635.684.878      | IBVCB.0409250000868001.CHUYEN KHOAN NOI BO   |
| 4      | 04/09/2025<br>5058 - 98917                | 27.022.000              |                          | 608.662.878      | IBVCB.0409250820086002.DAT COC 50% -HOP DONG TRUYEN THONG SO ABI-NT01  |
| 5      | 05/09/2025<br>5056 - 21323                | 80.007.700              |                          | 528.655.178      | IBVCB.0509250425874001.CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT  |
| 6      | 05/09/2025<br>5087 - 42024                | 498.544.933             |                          | 30.110.245       | IBVCB.202509055087091605.  |
| 7      | 05/09/2025<br>5009 - 59486                |                         | 4.034.789                | 34.145.034       | SHGD:93357419.DD:250905.BO:NH NHA NUOC CN KHU VUC 15.Remark:CHUYEN TRA LCC 10000741 NGAY 05/09/2025 DO SAI NH PHUC VU DVH. |
| 8      | 06/09/2025<br>9915 - 66703                | 55.000                  |                          | 34.090.034       | THU PHI DICH VU SMS CHU DONG THANG 08/2025. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND   |
| 9      | 06/09/2025<br>5058 - 64476                | 4.056.789               |                          | 30.033.245       | IBVCB.0609250599874001.THANH TOAN LUONG THANG 8.2025   |
| 10     | 09/09/2025<br>5056 - 23767                | 25.007.700              |                          | 5.025.545        | IBVCB.0909250991300001.CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT  |

| STT No | Ngày giao dịch/<br>TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail  |
|--------|--|-------------------------|--------------------------|------------------|---|
| 11     | 10/09/2025<br>5009 - 53878                   |                         | 32.829.068               | 37.854.613       | SHGD:10006597.DD:250910.BO:CONG TY TNHH OKONO VIET NAM.Remark:IB CTY OKONO TT CHO CTY NGOC THOM   |
| 12     | 10/09/2025<br>5130 - 37569                   |                         | 203.333.479              | 241.188.092      | /Ref:PATTMN2KUN125252{/}/Ref:PATTMN2KUN125252{/}TT VNMN2KUN1 N BATCH:M8.9.10.09.2025 MMEGA MARKET TTOAN PAYMENT:8217000100091 VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD |
| 13     | 10/09/2025<br>5423 - 95263                   |                         | 918.949                  | 242.107.041      | 5253IBT1kj124RC3.Minhmart Chuyen Khoan 10.9 Thanh toan don 28 ngay 28.8 FT25254236284604.20250910.223545.1902538611901 9.VND-TGTT-NGUYEN TUAN HAI.970407  |
| 14     | 11/09/2025<br>5087 - 61612                   |                         | 198.591.882              | 440.698.923      | VCBCSH. 1112509082083903.CK HN thanh toan cho NCC/Payment for merchandise CT tu 0711000239303 CT TNHH VONG TRON DO toi 1027349624 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM  |
| 15     | 11/09/2025<br>5087 - 61906                   |                         | 38.536.304               | 479.235.227      | VCBCSH. 1112509082068951.CK HCM thanh toan cho NCC/Payment for merchandise CT tu 0071000933093 CT TNHH VONG TRON DO toi 1027349624 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM   |
| 16     | 11/09/2025<br>5244 - 3984                    |                         | 2.918.442                | 482.153.669      | MBVCB.10882499544.phu son ck.CT tu 0201000731744 PHAN THI NHUNG toi 1027349624 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM   |
| 17     | 12/09/2025<br>5009 - 28379                   |                         | 4.761.955                | 486.915.624      | SHGD:10014438.DD:250912.BO:TONG CONG TY BUU DIEN VIET NAM.Remark:THANH TOAN TIEN HANG DOT 5 THANG 08/2025 CHO CH BACH HOA BUU DIEN TAI TP HCM   |
| 18     | 15/09/2025<br>5009 - 39157                   |                         | 17.702.006               | 504.617.630      | SHGD:10001698.DD:250915.BO:CN NHA TRANG CONG TY TNHH VIET Y HA NOI.Remark:VY NT THANH TOAN CONG NO THANG 56.2025 NCC NGOC THOM  |
| 19     | 15/09/2025<br>5009 - 44768                   |                         | 61.314.581               | 565.932.211      | SHGD:10008316.DD:250915.BO:CTY CP TM VA DICH VU MINH CAU.Remark:@PL@ MINH CAU TT TIEN HANG Cong ty TNHH mot thanh vien thuong mai va dich vu Ngoc Thom  |
| 20     | 15/09/2025<br>5424 - 50540                   |                         | 18.323.468               | 584.255.679      | 5258IBT1jWJZQSTH.VITALGO CK CTY NGOC THOM-150925-16:39:09 762762.20250915.163910.1819198888.CTY CP DICH VU THUONG MAI VITAL GO.970416   |
| 21     | 15/09/2025<br>5009 - 77520                   |                         | 4.040.418.056            | 4.624.673.735    | SHGD:10011862.DD:250915.BO:WINCOMMERCE GENERAL COMMERCIAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY.Remark:2000175953 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606 ChargeDetails OUR  |
| 22     | 16/09/2025<br>5009 - 99803                   |                         | 4.981.602                | 4.629.655.337    | SHGD:10000349.DD:250916.BO:CT CP DV TM TH WINCOMMERCE.Remark:2000181355 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606   |
| 23     | 16/09/2025<br>5009 - 17212                   |                         | 23.074.449               | 4.652.729.786    | SHGD:10000527.DD:250916.BO:CTY TNHH CUA HANG TIEN LOI GIA DINH VN.Remark:FAMILYMART THANH TOAN TIEN HANG 08/2025  |
| 24     | 16/09/2025<br>17 - 56                        | 1.325.459.819           |                          | 3.327.269.967    | TRANSFERTAT TOAN TKV 1057601536   |

| STT No | Ngày giao dịch/<br>TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail   |
|--------|--|-------------------------|--------------------------|------------------|--|
| 25     | 16/09/2025<br>17 - 60                        | 974.523.024             |                          | 2.352.746.943    | TRANSFERTAT TOAN TKV 1057790230  |
| 26     | 16/09/2025<br>17 - 65                        | 907.604.080             |                          | 1.445.142.863    | TRANSFERTAT TOAN TKV 1057825534  |
| 27     | 16/09/2025<br>17 - 70                        | 510.034.610             |                          | 935.108.253      | TRANSFERTAT TOAN TKV 1057944221  |
| 28     | 16/09/2025<br>5058 - 23241                   | 800.264.000             |                          | 134.844.253      | IBVCB.1609250107060004.CHUYEN KHOAN NOI BO   |
| 29     | 16/09/2025<br>5414 - 49599                   |                         | 11.129.546               | 145.973.799      | 5259IBT1eWZ22DC8.TOMITA thanh toan cong no NCC NGOC THOM.20250916.172105.2223939696.CTY CP TRANG TRAI TOMITA VIET NAM .970418  |
| 30     | 18/09/2025<br>5425 - 55970                   |                         | 4.050.000                | 150.023.799      | 5261IBT1iWUTD3QZ.NGUYEN THI HANH chuyen tien.20250918.111027.107551808.NGUYEN THI HANH.970432  |
| 31     | 18/09/2025<br>17 - 120                       | 873.180                 |                          | 149.150.619      | CHUYEN KHOAN18/09/2025+USD2,200.00+Fee:USD0.00+NGOC THOM PAID (THE FIRST TIME) 20 PERCENT CONTRACT NO HT-20250913-1 DATE 13/09/2025,INVOICE NO. HT-20250913-1 DATE 13/09/2025+F/O:ZHEJIANG HENGTAI INTELLIGENT DEVICE CO., LTD NO.373,OUFAN ROAD,DONGTOU DISTRICT, |
| 32     | 19/09/2025<br>5424 - 78930                   |                         | 554.306                  | 149.704.925      | 5262IBT1eWZ2BC17.TTTM Satra VVK TTHD 45743 46790 4655.20250919.160237.8699393939.CN TCT TM SAI GON-TNHH MTV-TRUNG TAM THUONG MAI SATRA VO VAN KIET .970418   |
| 33     | 19/09/2025<br>5058 - 19963                   | 80.022.000              |                          | 69.682.925       | IBVCB.1909251016190001.CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT  |
| 34     | 20/09/2025<br>5087 - 33327                   | 36.101.200              |                          | 33.581.725       | IBVCB.202509205087002181.  |
| 35     | 22/09/2025<br>9920 - 27                      |                         | 845.312.964              | 878.894.689      | IBVCB.202509225087002438.27.25203826-LIEN HIEP TT TIEN HANG THEO BK NGAY 19/09/2025  |
| 36     | 22/09/2025<br>5423 - 26185                   |                         | 140.496.475              | 1.019.391.164    | 5265IBT1bWHIZPZF.KINGFOOD TT TIEN HANG Payment for V000516.20250922.142349.04001010091039.Chi ho Bizzi Kingfood.970426   |
| 37     | 23/09/2025<br>5058 - 74863                   | 883.416.444             |                          | 135.974.720      | IBVCB.2309250615310001.TT HD SO 37-38-39 NGAY 23 VA 26 VA 27/3/2025  |
| 38     | 23/09/2025<br>5425 - 45621                   |                         | 7.345.096                | 143.319.816      | 5266IBT1dWR4T6WQ.CHO HAY TT NGOC THOM .20250923.151520.233868668.MBBANK IBFT.970422  |
| 39     | 24/09/2025<br>5058 - 15822                   | 13.522.000              |                          | 129.797.816      | IBVCB.2409251009970001.THANH TOAN 25% HD SO ABI-NT01   |
| 40     | 24/09/2025<br>5058 - 14888                   | 5.101.298               |                          | 124.696.518      | IBVCB.2409250334546002.TT HD SO 2652 NGAY 28-8-2025 CTY COLD VIET NAM  |

| STT No | Ngày giao dịch/<br>TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail  |
|--------|--|-------------------------|--------------------------|------------------|---|
| 41     | 24/09/2025<br>5426 - 55951                   |                         | 11.382.575               | 136.079.093      | 5267IBT1aW1XZEI9.Cty Sunshine Mart thanh toan tien thang 8 25 Bu tru XT T8 25 348 017d cho CONG TY TNHH MTV THUONG MAI VA DICH VU NGOC THOM Chuyen tien nhanh .20250924.150208.24036886.KibFundtransfer247 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM .970452                 |
| 42     | 24/09/2025<br>5130 - 77443                   |                         | 134.256.930              | 270.336.023      | /Ref:PATTMN2MMLD25266{/}/Ref:PATTMN2MMLD25266{/}/TT VNMN2MMLD N BATCH:M8-24.09.2025 MM MEGA MARKETTOAN PAYMENT:8617000006878 VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD  |
| 43     | 25/09/2025<br>5241 - 67998                   |                         | 2.926.580                | 273.262.603      | MBVCB.11057917273.phu son ck.CT tu 0201000731744 PHAN THI NHUNG toi 1027349624 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM   |
| 44     | 25/09/2025<br>5087 - 42576                   | 84.973.357              |                          | 188.289.246      | IBVCB.202509255087004562.   |
| 45     | 25/09/2025<br>9403 - 1027349624              | 22.000                  |                          | 188.267.246      | THU PHI QLTK TO CHUC-VND  |
| 46     | 25/09/2025<br>9704 - 1027349624              |                         | 88.338                   | 188.355.584      | INTEREST PAYMENT  |
| 47     | 26/09/2025<br>5009 - 12777                   |                         | 1.027.284.601            | 1.215.640.185    | SHGD:10000016.DD:250926.BO:CT CP DV TM TH WINCOMMERCE.Remark:2000185089 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606   |
| 48     | 26/09/2025<br>5009 - 16445                   |                         | 4.279.523                | 1.219.919.708    | SHGD:10000491.DD:250926.BO:CT CP DV TM TH WINCOMMERCE.Remark:2000185842 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606   |
| 49     | 26/09/2025<br>5211 - 29472                   |                         | 4.055.507                | 1.223.975.215    | 0200970407092609203120251001369235.29472.09203 2.Cong ty TNHH GTGL Viet Nam thanh toan tien hang CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM   |
| 50     | 26/09/2025<br>5211 - 53191                   |                         | 10.119.712               | 1.234.094.927    | 0200970407092609263320251001369941.53191.09263 4.Cong ty CPTM va DV EasyMart thanh toan tien hang CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM  |
| 51     | 26/09/2025<br>5058 - 88209                   | 10.282.000              |                          | 1.223.812.927    | IBVCB.2609250033390001.TT HD SO 4368 VA 4369 CTY ANH PHAT LOGISTICS   |
| 52     | 26/09/2025<br>5058 - 94661                   | 300.066.000             |                          | 923.746.927      | IBVCB.2609250388164004.DAT COC HD SO 26092025/TL-NT/2025/HDMB-CTY THANG LONG  |
| 53     | 26/09/2025<br>17 - 134                       | 1.001.700               |                          | 922.745.227      | CHUYEN KHOAN26/09/2025+USD4,860.00+Fee:USD0.00+NGOC THOM PMT THE REST OF CONTRACT VN-250318-2 DATE 18/03/2025,COMMERCIAL INVOICE VN-250620-1 DATE 20/06/ 2025,APPENDIX CONTRACT 31/07/2025+F/O:CHANGZHOU ZHENGLONG MACHINERY CO.,LTD++ NO.8-4 GONGYUAN RD,IP,XUEB |
| 54     | 26/09/2025<br>9908 - 81123                   | 4.916.363               |                          | 917.828.864      | THU NO TKV 1059592116   |
| 55     | 26/09/2025<br>9908 - 27103                   | 4.970.292               |                          | 912.858.572      | THU NO TKV 1059918547   |

| STT<br>No | Ngày giao dịch/<br>TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail  |
|-----------|--|-------------------------|--------------------------|------------------|---|
| 56        | 26/09/2025<br>9908 - 65202                   | 3.583.226               |                          | 909.275.346      | THU NO TKV 1059624347   |
| 57        | 26/09/2025<br>9908 - 58291                   | 454.779                 |                          | 908.820.567      | THU NO TKV 1058228247   |
| 58        | 26/09/2025<br>9908 - 89960                   | 2.911.359               |                          | 905.909.208      | THU NO TKV 1058613160   |
| 59        | 26/09/2025<br>9908 - 79516                   | 675.206                 |                          | 905.234.002      | THU NO TKV 1059363394   |
| 60        | 26/09/2025<br>9908 - 60185                   | 1.527.850               |                          | 903.706.152      | THU NO TKV 1059376215   |
| 61        | 26/09/2025<br>9908 - 10128                   | 4.909.542               |                          | 898.796.610      | THU NO TKV 1057998441   |
| 62        | 26/09/2025<br>9908 - 5283                    | 10.101.543              |                          | 888.695.067      | THU NO TKV 1058727556   |
| 63        | 26/09/2025<br>9908 - 6069                    | 3.190.024               |                          | 885.505.043      | THU NO TKV 1059069390   |
| 64        | 26/09/2025<br>9908 - 3251                    | 466.587                 |                          | 885.038.456      | THU NO TKV 1058777137   |
| 65        | 26/09/2025<br>9908 - 76277                   | 5.088.404               |                          | 879.950.052      | THU NO TKV 1059466809   |
| 66        | 26/09/2025<br>9908 - 98494                   | 2.702.149               |                          | 877.247.903      | THU NO TKV 1059202954   |
| 67        | 26/09/2025<br>9908 - 16096                   | 2.825.968               |                          | 874.421.935      | THU NO TKV 1058487854   |
| 68        | 28/09/2025<br>5388 - 82047                   |                         | 2.613.981                | 877.035.916      | 020097041509280028162025tclY550338.82047.002816.<br>NGUYEN THI THU HA chuyen tien                                     |
| 69        | 28/09/2025<br>5423 - 61276                   |                         | 938.220                  | 877.974.136      | 5271IBT1kJSKW479.NGUYEN THI THU HA chuyen<br>FT25272209001950.20250928.003210.6222668899.NG<br>UYEN THI THU HA.970407 |
| 70        | 28/09/2025<br>5389 - 66874                   |                         | 1.293.509                | 879.267.645      | 020097041509280844232025rSz6896508.66874.08442<br>3.s1.10 tt cn t6  |
| 71        | 28/09/2025<br>5387 - 73575                   |                         | 477.150                  | 879.744.795      | 020097041509280847012025T8Ay904275.73575.08464<br>1.s1.10 tt cn t7  |
| 72        | 28/09/2025<br>5189 - 83332                   |                         | 296.054                  | 880.040.849      | 020097041509280850302025JGON914556.83332.0850<br>13.s1.08 tt cn t6  |
| 73        | 28/09/2025<br>5390 - 87372                   |                         | 1.996.991                | 882.037.840      | 020097041509280852032025Dqky919446.87372.08514<br>3.s2.17 tt cn t6  |
| 74        | 28/09/2025<br>5390 - 90961                   |                         | 1.059.232                | 883.097.072      | 020097041509280853402025zlx0923927.90961.085340<br>.p3 tt cn t6   |

| STT No | Ngày giao dịch/<br>TXN Date<br>Số CT/ Doc No | Số tiền ghi nợ<br>Debit | Số tiền ghi có<br>Credit | Số dư<br>Balance | Nội dung chi tiết<br>Transaction In Detail  |
|--------|--|-------------------------|--------------------------|------------------|---|
| 75     | 28/09/2025<br>5424 - 67904                   |                         | 36.843                   | 883.133.915      | 5271IBT1cW9W82YM.p3 tt cn<br>t7.20250928.085416.103884851101.HKD LE BA THANH<br>TC.970415                                       |
| 76     | 28/09/2025<br>5390 - 97270                   |                         | 721.431                  | 883.855.346      | 020097041509280855432025kDzB929745.97270.08554<br>4.m1 tt cn t7   |
| 77     | 29/09/2025<br>9920 - 240                     |                         | 107.345.532              | 991.200.878      | //SAL20252725007005633003//BO LH HOP TAC XA TM<br>TPHCM 25200096 LIEN HIEP TT TIEN HANG THEO BK<br>NGAY 23 09 2025              |
| 78     | 30/09/2025<br>5058 - 65207                   | 228.078.468             |                          | 763.122.410      | IBVCB.3009250779550002.THANH TOAN HD SO 00044<br>NGAY 3-4-2025  |
| 79     | 30/09/2025<br>5423 - 63721                   |                         | 64.848.229               | 827.970.639      | 5273IBT1bWLRV6BT.KINGFOOD TT TIEN HANG<br>Payment for<br>V000516.20250930.135023.04001010091039.Chi ho<br>Bizzi Kingfood.970426 |
| 80     | 30/09/2025<br>5387 - 73069                   |                         | 2.688.330                | 830.658.969      | 0200970415093015121720254bSb871455.73069.15121<br>7.CONG TY CP DAT PHAT HN CHUYEN TIEN CT TNHH<br>MTV TM VA DV NGOC THOM        |

Tổng số / Total : 6.844.362.594 7.217.867.506

Số dư cuối kỳ / Closing Balance : 830.658.969 VND

Bằng chữ / In words : Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng

Xác nhận của ngân hàng / Bank's Confirmation :



Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank! / Thank you for using Vietcombank's services!

**VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai / VIETCOMBANK - Together for the future**

**Ghi chú:** Văn bản này được xuất tự động từ hệ thống Ngân hàng điện tử của Vietcombank và không ràng buộc trách nhiệm của Vietcombank trong trường hợp Khách hàng cung cấp văn bản này cho bên thứ ba./.

**Note:** This document is automatically generated from Vietcombank's digital banking system and does not bind Vietcombank in case the Customer provides this document to a third party./.